

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

I. Thông tin chung

- 1. Tên sở đào tạo:** Trường Cao đẳng Sơn La
- 2. Mã trường:** C14
- 3. Địa chỉ các trụ sở:** Số 310 đường Lê Duẩn, tổ 2, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** www.cdsonla.edu.vn
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02123.874.546
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án; quy chế thi tuyển sinh:** <http://www.cdsonla.edu.vn>
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:** <http://www.cdsonla.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào: Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương trở lên điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Thí sinh có bằng Trung cấp sư phạm và có điểm các môn văn hóa THPT do cơ sở đào tạo cấp theo quy định.
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- d) Không vi phạm pháp luật, không trong thời gian thi hành kỉ luật.

1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, tùy theo từng trường hợp, Hiệu trưởng xem xét quyết định xét tuyển trên cơ sở đảm bảo các điều kiện tại mục 1.2 và có khả năng thực hiện được các công việc của người giáo viên Mầm non.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi tuyển năng khiếu.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương trở lên điểm xét

tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Thí sinh có bằng Trung cấp sư phạm và có điểm các môn văn hóa THPT do cơ sở đào tạo cấp theo quy định.

- Điểm trúng tuyển: Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng đợt. Điểm trúng tuyển đợt sau không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt trước.

Điểm xét tuyển theo công thức dưới đây không thấp hơn điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh xác định trong từng đợt:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐM1} + \text{ĐM2} + \text{ĐNK} + \text{UTĐT} + \text{UTKV}$$

Trong đó: ĐXT: Điểm xét tuyển. ĐM1: Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán học. ĐM2: Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn. ĐNK: Điểm thi tuyển môn năng khiếu (TBC của 03 nội dung: Hát, Kể chuyện và Đọc diễn cảm). UTĐT: Điểm ưu tiên đối tượng. UTKV: Điểm ưu tiên khu vực.

Lọc các thí sinh dự tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	C140201	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non	50	Xét tuyển căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi tuyển năng khiếu	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a) Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không.

b) Điểm cộng

**Ưu tiên theo khu vực*

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT; nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

- Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

+ Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

+ Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐTTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT

tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo 4 khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ; d) Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

** Ưu tiên theo đối tượng chính sách*

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Các mức điểm ưu tiên được quy định tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$.

c) Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): Không.

d) Các thông tin khác: Không.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho công tác tuyển sinh.

- Các điều kiện xét tuyển, thi tuyển: Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.

7. Chính sách ưu tiên

Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

7.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

7.2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

7.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

7.4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học vào ngành nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

7.5. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại 7.1, 7.2 dự tuyển vào ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Lệ phí thi tuyển năng khiếu: 300.000 đ/thí sinh (bao gồm tất cả các nội dung thi năng khiếu: Đọc, Kể chuyện diễn cảm và Hát).

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết với thí sinh

- Khi thí sinh đã nộp giấy xác nhận nhập học thì Trường không hoàn lại và thí sinh không được tham gia xét tuyển ở Trường khác.

- Thí sinh xác nhận nhập học trong khoảng thời gian cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo trong thư báo trúng tuyển nhập học của Trường. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được hiểu là từ chối nhập học và Trường được xét tuyển thí sinh khác.

- Cam kết hỗ trợ và giới thiệu nơi thực tập và việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Các chính sách hỗ trợ thí sinh trúng tuyển nhập học, học bổng thí sinh theo dõi tại website www.cdsonla.edu.vn để biết thông tin chi tiết

10. Các nội dung khác

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 30/12/2024 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
1	Cao đẳng chính quy		
1.1	Chính quy	51140201	54
1.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
1.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
2	Cao đẳng vừa làm vừa học		
3	Vừa làm vừa học		
3.1	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		

3.2	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
-----	---	--	--

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường: 9,2 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 2.100 chỗ
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	106	13.261
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	4.297
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	504
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	20	1.800
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	56	3.360
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	500
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	25	2.800
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.894
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực hành, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	8.714
	Tổng	109	23.869

10.3. Danh sách giảng viên

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Trần Thị Ánh Nguyệt		Thạc sĩ	Triết	GD Mầm non	
2	Đào Huy Quân		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	GD Mầm non	
3	Hoàng Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	GD Mầm non	
4	Lò Mai Thoan		Tiến sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
5	Nguyễn Mạnh Cường		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	GD Mầm non	
6	Hà Thị Mai Hoa		Đại học	Sư phạm TTDD-GDQP	GD Mầm non	
7	Nguyễn Châu Băng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng anh	GD Mầm non	
8	Nguyễn Thị Ngọc Thúy		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng anh	GD Mầm non	
9	Nguyễn Hải Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	GD Mầm non	
10	Nguyễn Phú Thành		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	GD Mầm non	
11	Nguyễn Thị Thanh Hải		Thạc sĩ	Địa lý tự nhiên	GD Mầm non	

12	Lê Thị Thanh Hiếu		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	GD Mầm non	
13	Ngô Thị Dung		Thạc sĩ	Giáo dục & Phát triển cộng đồng	GD Mầm non	
14	Nguyễn Trọng Chính		Thạc sĩ	Luật kinh tế	GD Mầm non	
15	Vũ Thị Hoa		Thạc sĩ	Tâm lý học	GD Mầm non	
16	Hà Thị Mai Hoa		Thạc sĩ	Giáo dục học	GD Mầm non	
17	Dương Mạnh Linh		Thạc sĩ	Toán học	GD Mầm non	
18	Nguyễn Thị Thúy Hà		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
19	Lò Thị Mai Thanh		Thạc sĩ	Ngữ văn	GD Mầm non	
20	Phạm Văn Thắng		Đại học	SP Mỹ thuật	GD Mầm non	
21	Nguyễn Thị Thu Hiền		Đại học	SP Mỹ thuật	GD Mầm non	
22	Đào Thanh Xuân		Đại học	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
23	Đỗ Lan Anh		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
24	Nguyễn Thị Hồng Vân		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
25	Lê Thu Hương		Đại học	Giáo dục mầm non	GD Mầm non	
26	Lê Quốc Công		Đại học	SP Âm nhạc	GD Mầm non	
27	Trần Văn Quang		Thạc sĩ	SP Âm nhạc	GD Mầm non	
28	Nguyễn Thùy Dương		Tiến Sĩ	Giáo dục chính trị	GD Mầm non	
29	Nguyễn Thạc Nhân		Đại học	Giáo dục Thể chất	GD Mầm non	
30	Nguyễn Quang Sáng		Thạc sĩ	Tâm lý học	GD Mầm non	
	Tổng số				30	

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024		
							Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	C140201	Cao đẳng Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non	50	Xét tuyển căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi tuyển năng khiếu.	0	0	0	54	54	26,67 (Xét điểm học bạ). 21,55 (xét điểm kỳ thi quốc gia)
Tổng							0	0		54	54	

Cán bộ kê khai

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)



Nguyễn Duy Nhậm

ĐT 0983.743.932, Email: duynham020277@gmail.com

Ngày tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long